

Số: 576/2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BV –THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Trung Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Thuật** và ông **Nguyễn Văn Bổng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương**, Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát: Ông **Đặng Văn Út**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện BV xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 393/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:118/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1980;

HKTT: Thôn Cao Cường, xã ĐQ, huyện BV, thành phố HN.

Địa chỉ hiện tại: Thôn Đồng Táng, xã ĐT, TT, HN.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình Đ**, sinh năm: 1976;

HKTT: Thôn Cao Cường, xã ĐQ, huyện BV, thành phố HN.

(*Chị T có mặt; Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 07/10/2022 chị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình Đ ngày 14/02/2012 tại UBND xã ĐT, huyện TT, thành phố HN. Vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc cho đến năm 2014 thì vợ

chồng và con cái về sống chung cùng bố mẹ chồng. Sau khi sống chung cùng bố mẹ chồng được khoảng 6 -7 tháng thì mẹ chồng tôi luôn đặt điều, gây sự vì chồng tôi thường xuyên đi làm ăn xa không có ở nhà, mỗi lần chồng tôi về nhà là bà lại nói với chồng tôi để chồng tôi đánh chửi tôi. Từ đó chồng tôi luôn tỏ ra ghen tuông vô cớ và nhiều lần hành hạ về thể xác và tinh thần của tôi. Cũng từ đó tôi luôn bị áp lực và lo sợ vì những lần bị chồng đe dọa sẽ chém, giết tôi nếu tôi không làm cho mẹ chồng và chồng được ưng ý. Cách đây khoảng 5 năm tôi không thể chịu đựng thêm và đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để làm ăn và sinh sống. Sau khi sống xa nhau thỉnh thoảng tôi mới về nhà chồng nhưng tình cảm vợ chồng và gia đình chồng vẫn không cải thiện không những vậy mà chồng tôi còn kiểm soát tất cả công việc cũng như những mối quan hệ của tôi khiến tôi phải từ bỏ nghề kế toán để về làm việc tự do. Từ đó tôi hết tình cảm với chồng, đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu Nguyễn Trung S, sinh ngày: 18/10/2007. Hiện nay cháu S đang ở với anh Đ, tôi đề nghị giao cháu S cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi cấp dưỡng 2.000.000đ/ tháng để anh Đ nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung, công sức chung: Chị T khai không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với anh Nguyễn Đình Đ Tòa án đã triệu tập rất nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc. Ngày 08/12/2022 anh Đ có gửi đơn xin giải quyết vắng mặt đồng thời thể hiện quan điểm của mình như sau: Anh có kết hôn với chị Nguyễn Thị T do mâu thuẫn gia đình chị T bỏ về nhà ngoại từ năm 2018 đến nay chị T yêu cầu ly hôn tôi thì tôi đồng ý ly hôn với chị T. Vợ chồng có một con chung, cháu Nguyễn Trung S hiện nay đang ở với bố. Tôi sẽ nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung vợ chồng không có gì. Anh Đ đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt vì anh không có ở nhà.

Toà án tiến hành xác minh bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Đình Đ vào ngày 05/12/2022 bà T1 cho biết: Anh Nguyễn Đình Đ là con trai tôi, anh Đ và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và Đ ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện TT, HN ngày 12/02/2012. Sau khi kết hôn anh Đ và chị T về ở với nhau ngay và sống cùng gia đình nhà tôi. Đến năm 2017 thì chị T bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không về nhà tôi ở nữa. Trong quá trình chung sống tôi không thấy anh chị Đ, T có mâu thuẫn gì, chỉ có một lần hai vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế thì chị T bỏ đi luôn, anh Đ con trai tôi có điện báo chị T về thì chị T về ở được vài tháng rồi lại đi. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh Đ thì tôi đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Đ và chị T có một con chung là cháu Nguyễn Trung S, sinh ngày: 18/10/2007. Hiện nay cháu S đang ở với tôi và anh Đ. Tôi đề nghị giao cháu S cho anh Đ, việc cấp dưỡng tùy chị T. Anh Đ và chị T không có tài sản chung gì. Anh Đ và chị T không có nợ nần gì ai.

Toà án tiến hành xác minh tại Công an xã ĐQ ngày 05/12/2022 Theo ông Đặng Ngọc L trưởng công an xã ĐQ cho biết: Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1976, có hộ khẩu thường trú tại thôn Cao Cường, xã ĐQ, huyện BV, HN. Hiện nay anh Đ có mặt tại địa phương, anh Đ đi làm có ngày về nhà, có ngày không về.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung, cháu Nguyễn Trung S, sinh ngày: 18/10/2007. Giao cháu Nguyễn Trung S cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ/ tháng để anh Đ nuôi dưỡng cháu S. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2022.

Về tài sản riêng; Về tài sản chung, công sức chung; Về nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện BV, thành phố HN giải quyết hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Đình Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BV, thành phố HN.

Đối với anh Nguyễn Đình Đ được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ nhiều lần anh Đ có nhận văn bản nhưng anh Đ không đến Tòa làm việc. Anh Đ có gửi đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Đình Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Đình Đ có tìm hiểu thỏa thuận và có Đ ký kết hôn ngày 14/02/2012 tại UBND xã ĐT, huyện TT, thành phố HN. Là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống đã xảy ra mâu thuẫn giữa mẹ chồng, nàng dâu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống và làm việc và vợ chồng ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng được 5 năm. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh Đ cũng thể hiện quan điểm của mình trong đơn xin vắng mặt, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T và cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu Nguyễn Trung S, sinh ngày: 18/10/2007.

Xét nguyện vọng của chị T, anh Đ cũng như nguyện vọng của cháu S mong muốn được ở với anh Đ là tự nguyện. Nên giao cháu S cho anh Đ được nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, chị T phải cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ/ tháng để anh Đ nuôi dưỡng cháu S. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2022.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chị T Không yêu cầu giải quyết, anh Đ vắng mặt và cũng chưa thể hiện quan điểm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 227, 228 , Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Đình Đ.

Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

2. Về con chung: Có một con chung, cháu Nguyễn Trung S, sinh ngày: 18/10/2007.

Giao cho anh Nguyễn Đình Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung S đến khi cháu S trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đình Đ mỗi tháng 2.000.000,đ(Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2022.

Chị Nguyễn Thị T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000,đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T đã nộp 300.000, đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0060461 ngày 06/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BV nay chị T phải nộp thêm số tiền 300.000, đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Đình Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố HN;
- VKSND huyện BV;
- Chi cục THADS huyện BV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trung Thành

